

Số: 2310 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 29 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công
trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về
việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên
môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ
phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng
Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa,
một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lai Châu tại Tờ trình số
315/TTr-STC ngày 29 tháng 8 năm 2025,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình liên quan đến doanh nghiệp thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài chính

a) Tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Danh mục được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, vận hành Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo hoạt động thông suốt và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin.

c) Tích hợp, cung cấp Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được phê duyệt trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung nội dung thông tin, biểu mẫu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính,

Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: V1, V4, CB;
- VNPT Lai Châu (p/h);
- Lưu: VT, Hcc6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH LIÊN QUAN
ĐẾN DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH LAI CHÂU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí/lệ phí		
			Phí	Lệ phí	Không
TỔNG					20
A	CẤP TỈNH				20
I	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				1
1	2.002668.000.00.00.H35	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã			x
II	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				1
1	2.002636.000.00.00.H35	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo			x
III	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa				1
1	2.002418.000.00.00.H35	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị			x
IV	Đầu tư tại Việt Nam				17
1	1.009729.000.00.00.H35	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài			x
2	1.009662.000.00.00.H35	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính)			x

3	1.009661.000.00.00.H35	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính)			X
4	1.009659.000.00.00.H35	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Sở Tài chính)			X
5	1.009656.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			X
6	1.009655.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh			X
7	1.009649.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			X
8	1.009647.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh			X
9	1.009646.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			X
10	1.009645.000.00.00.H35	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			X
11	1.009644.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh			X
12	1.009657.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)			X

13	1.009654.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			x
14	1.009653.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			x
15	1.009652.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			x
16	1.009650.000.00.00.H35	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			x
17	1.009642.000.00.00.H35	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh			x